

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 747 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/ 2022

V/v Tranh chấp “Ly hôn”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh.

2/ Bà Đặng Thụy Thù Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Trần Thị Yến N, sinh năm 1979,
Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Võ Văn Út N1, sinh năm 1978 ,
Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, Tiền Giang
(chị N có đơn xin vắng mặt, anh N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn Trần Thị Yến N trình bày:*

Chị Trần Thị Yến N và anh Võ Văn Út N1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hương huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang. Chị và anh N1 sống hạnh phúc đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, không hòa hợp trong cuộc sống thường xảy ra gây gổ gay gắt do tính tình nóng nảy anh N1 đánh đập chị N. Nay chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh N1.

Về con chung: chị N và anh N1 có 02 con chung tên Võ Ngọc S sinh năm 1999 và Võ Thị Mỹ H sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.
Về nợ chung: không có.

** Theo bị đơn anh Võ Văn Út N1 trình bày:*

Anh Võ Văn Út N1 thống nhất với chị N về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh N1 cho rằng do làm ăn thất bại có nóng nảy với chị N, hiện tại anh N1 không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với chị N.

Về con chung: anh N1 thống nhất với lời trình bày của chị N, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: anh N1 tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn Trần Thị Yến N có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn Võ Văn Út N1. Về con chung chị N trình bày các con đã trưởng thành không có yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung chị N không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung chị N trình bày không có. Bị đơn Võ Văn Út N1 vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn Trần Thị Yến N và bị đơn Võ Văn Út N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị Yến N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị N và anh N1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng gây gỗ nhau, anh N1 có đánh chị N. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 trầm trọng, chị N cương quyết ly hôn, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Đối với lời trình bày của anh N1 còn tình cảm với chị N là không có cơ sở bởi vì từ khi chị N gửi đơn ly hôn đến nay anh N1 không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, đồng thời tại phiên tòa anh N1 vắng mặt không rõ lý do chứng tỏ anh N1 không quan tâm đến hạnh phúc gia đình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh N1.

[3] Về con chung chị N và anh N1 trình bày các con đã trưởng thành, không có yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung chị N và anh N1 trình bày không có yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung chị N và anh N1 trình bày không có, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào các Điều 28,35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử :

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị Yến N.

Chị Trần Thị Yến N được ly hôn với anh Võ Văn Út N1.

2/ Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004133 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành chuyển thành án phí chuyển thành án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Ngọc Hồ